

TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC VÀ ỨNG DỤNG TRONG CÔNG TÁC THƯ VIỆN-THÔNG TIN

Nguyễn Hữu Viêm

Đề cập đến các ứng dụng của trắc lượng thư mục trong công tác thông tin-thư viện. Nêu thí dụ về 3 công trình nghiên cứu, mà trong triển khai, đã áp dụng phương pháp phân tích thống kê.

Ứng dụng trong công tác thư viện

Tại Đại hội hàng năm của Hiệp hội Thư viện quốc tế (IFLA) năm 1995 kiến nghị về việc đưa Trắc lượng thư mục vào chương trình giảng dạy trong ngành thư viện đã được nêu ra. Giảng dạy theo hai cách: Sêmina và sử dụng các hệ thống trực tuyến cung cấp các phương pháp Trắc lượng thư mục khác nhau.

Kiến nghị cũng nêu rõ, Trắc lượng thư mục là cơ sở phát triển thư viện học trong việc nghiên cứu, nhận biết những chủ đề mới xuất hiện và số lượng ấn phẩm liên ngành đang phát triển. Đối với những thư viện lớn, Trắc lượng thư mục có thể sử dụng để nghiên cứu thuật ngữ tra cứu, từ trong tên sách, tác giả, nguồn theo địa lý hoặc theo thời gian.

Ví dụ, quá trình phát triển vốn tài liệu của một thư viện thường gồm ba bước là: 1) lập kế hoạch, 2) thực hiện kế hoạch và 3) đánh giá vốn tài liệu đã hình thành. Ở đây, các phương pháp Trắc lượng thư mục như phân tích thống kê các trích dẫn trong tài liệu, liên kết thư mục (bibliography coupling), một khái niệm được M.M. Kessler nêu ra năm 1964,

phân tích trích dẫn và từ đồng hành (coword) được áp dụng có hiệu quả.

Bước đầu vận dụng ở Việt Nam

Trong thời gian qua, chúng tôi bước đầu đã vận dụng phương pháp phân tích thống kê trong ba công trình nghiên cứu nhỏ:

- Phân tích thống kê tài liệu được trích dẫn trong các bài báo trên tạp chí Khoa học Kỹ thuật từ năm 1965 đến năm 1974. Qua đó xác định các ngôn ngữ và độ sâu tài liệu được tham khảo trích dẫn (năm xuất bản tài liệu được tham khảo) của các nhà khoa học Việt Nam [4].

- Phân tích thống kê luận án khoa học về Đông Nam Á được bảo vệ tại các trường đại học Mỹ dựa trên cuốn Current research on Southeast Asia: A Catalogue of Doctoral Dissertations, 1861-1982, do UMI (University Microfilms International) xuất bản tháng 10 năm 1982.

Đây là cuốn thư mục thống kê các luận án tiến sĩ và thạc sĩ về Đông Nam Á, được bảo vệ tại các trường đại học ở Mỹ từ luận án đầu tiên năm 1861 cho tới năm 1982. Cuốn thư mục được sắp xếp theo

nước: Brunei, Campuchia, Ấn Độ, Lào, Malaixia, Philippin, Thái Lan, Việt Nam, Singapo, ngoài ra còn có Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan. Trong mỗi nước, luận án được phân chia theo chủ đề. Toàn bộ cuốn thư mục phản ánh 3335 luận án trong đó có 296 luận án về Việt Nam của các tác giả là người các quốc gia nói trên hoặc người Mỹ.

Căn cứ theo dữ liệu biên mục của cuốn thư mục trên, chúng tôi đã thống kê phân tích, xác định được mối quan tâm của các trường đại học Mỹ về khu vực Đông Nam Á và về Việt Nam theo các chủ đề khác nhau. Luận án đầu tiên về Đông Nam Á được bảo vệ năm 1917 về Philippin, luận án đầu tiên về Việt Nam được bảo vệ năm 1951 về tiếng Việt, do người Mỹ thực hiện. Về mặt số lượng luận án, Việt Nam đứng sau Thái Lan, Philippin và Ấn Độ. Phân tích thống kê cũng cho thấy danh sách những trường đại học Mỹ có nhiều luận án khoa học về Đông Nam Á và Việt Nam, đồng thời dự báo phát triển số lượng luận án trong 20 năm còn lại của thế kỷ XX [5].

- Phân tích thống kê báo cáo khoa học dựa trên tập sách “Hội thảo quốc tế về Việt Nam học. Hà Nội, ngày 15-17/7/1998. Tóm tắt báo cáo khoa học” của Nhà xuất bản Thế giới in năm 1999. Đây là bản thư mục về 170 báo cáo của 22 nước trên thế giới tại Hội thảo, được sắp xếp theo 8 chủ đề cơ bản. Dùng phương pháp trắc lượng thư mục nghiên cứu tài liệu Hội thảo cho thấy vào năm 1998 có 4 trung tâm trên thế giới nghiên

cứu về Việt Nam: Nhật Bản ở châu Á, Hoa Kỳ- châu Mỹ, Ôxtraylia- châu Đại Dương và Pháp- châu Âu. Đồng thời, phân tích thống kê cũng xác định được mối quan tâm tại mỗi trung tâm trên như sau: Người Nhật Bản tập trung vào chủ đề văn hoá và giao lưu, hội nhập văn hoá; người Mỹ- chủ đề ngôn ngữ và tiếng Việt, người Ôxtraylia- chủ đề kinh tế xã hội; còn người Pháp lại quan tâm gần như nhau tới nhiều chủ đề [6].

Thay lời kết luận, xin được trích ý kiến của tiến sĩ Wolfgang Glanzl nêu ra năm 2003: “Ngày nay trắc lượng thư mục là một trong những lĩnh vực nghiên cứu liên ngành thực sự hiếm hoi có thể mở rộng hầu như tất cả các lĩnh vực khoa học. Phương pháp luận trắc lượng thư mục đã trở thành một bộ phận của toán học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và thậm chí cả trong khoa học đời sống” [2].

Tài liệu tham khảo

1. *Encyclopedia of Library and Information Science* / Allen Kent...- New York: Harol Laucour, 2000.
2. *Bibliometrics as a research field: A course on theory and application of bibliometric indicators* / Wolfgang Glanzl .- Bruxell : Course Handouts, 2003. Machlup, Fritz. *Knowledge and Knowledge Production*.- Princeton: Princeton University, 1980.
4. Nguyễn Hữu Viêm. Phân tích thống kê tài liệu được trích dẫn trên tạp chí Khoa học từ 1965-1974. *Tập san Hoạt động thông tin khoa học*, số 2 năm 1978, tr. 6-13.
5. Nguyễn Hữu Viêm. Phân tích thống kê luận án về Đông Nam Á được bảo vệ tại các trường đại học Mỹ. *Tập san Hoạt động thông tin khoa học*, số 2 năm 1987, tr. 13-24.
6. Nguyễn Hữu Viêm. Phân tích thống kê báo cáo khoa học trong Hội thảo quốc tế về Việt Nam học được tổ chức tại Hà Nội tháng 7 năm 1998. *Văn hoá Nghệ thuật*, số 12 năm 1999, tr. 88-91.